

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
EUROCAPITAL**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC
SOÁT XÉT**

**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01/01/2014 ĐẾN NGÀY 30/06/2014**

**Đã được soát xét bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN VIỆT (VP AUDIT)**

HÀ NỘI, 2014



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 – 2
Báo cáo Kết quả công tác soát xét	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	4 – 29
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	4 – 6
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	7
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu</i>	9
<i>Thuyết minh báo cáo tài chính</i>	10 – 29



3 T
HÀ
KH
API
VG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 80/UBCK - GP ngày 25/01/2008 điều chỉnh theo giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC - UBCK ngày 07/08/2013 với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật và Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC - UBCK ngày 15/05/2013 với nội dung thay đổi trụ sở kinh doanh. Các giấy phép thay đổi do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy phép thành lập, hoạt động chính của công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán ;
- Tự doanh chứng khoán ;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán ;

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Số 362 Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Anh	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Vũ Tiến Đức	Ủy viên Hội đồng Quản trị
Bà Mai Thị Minh Thu	Ủy viên Hội đồng Quản trị

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt (VP AUDIT) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2014

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CƠ PHÂN
CHỨNG KHOÁN
EUROCAPITAL

Nguyễn Quang Anh

Số : 2407.01.01/VPA-BCTC
Ngày : 11 tháng 08 năm 2014
Nơi nhận : Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital
Tầng 2, Số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
Kính gửi : Hội đồng quản trị
Ban Giám đốc
Về việc : **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của
Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital



Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (Sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 07 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 được trình bày từ trang 04 đến trang 29 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Đào Duy Hưng

GCN ĐKHN số: 2017-2013-124-1

Kiểm toán viên

Trương Thị Diệu Huyền

GCN ĐKHN số: 1979-2013-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2014

Đơn vị tính: VND

TT	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2014	Ngày 01/01/2014
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		106.387.093.604	151.492.975.384
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	79.686.643.992	36.618.706.950
1	Tiền	111		4.686.643.992	36.618.706.950
2	Các khoản tương đương tiền	112		75.000.000.000	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.03	14.511.424.520	40.609.703.000
1	Đầu tư ngắn hạn	121		14.548.949.091	41.550.559.469
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(37.524.571)	(940.856.469)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.04	11.765.043.051	73.432.280.392
1	Phải thu khách hàng	131		9.000.000	-
2	Trả trước cho người bán	132	V.04.1	4.764.000	4.764.000
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		11.370.038.081	73.402.936.847
5	Các khoản phải thu khác	138	V.04.2	466.740.970	110.079.545
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.05	(85.500.000)	(85.500.000)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		423.982.041	832.285.042
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	405.128.633	496.434.131
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152			335.850.416
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			495
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	18.853.408	
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		2.967.255.455	4.287.793.955
II	Tài sản cố định	220		690.440.128	1.869.649.195
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	620.932.411	840.067.671
	<i>Nguyên giá</i>	222		3.365.737.885	3.402.063.686
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.744.805.474)	(2.561.996.015)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	69.507.717	1.029.581.524
	<i>Nguyên giá</i>	228		4.363.490.000	5.524.031.000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.293.982.283)	(4.494.449.476)
V	Tài sản dài hạn khác	260		2.276.815.327	2.418.144.760
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	823.916.297	1.071.614.687
3	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.12	1.065.986.830	959.617.873
4	Tài sản dài hạn khác	268		386.912.200	386.912.200
	CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		109.354.349.059	155.780.769.339

TT	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2014	Ngày 01/01/2014
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.917.483.033	60.059.743.228
I	Nợ ngắn hạn	310		3.917.483.033	60.059.743.228
2	Phải trả cho người bán	312		208.091.957	193.874.507
3	Người mua trả tiền trước	313		107.500.000	107.500.000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	142.239.720	473.943.455
5	Phải trả người lao động	315		86.856.068	91.421.253
6	Chi phí phải trả	316	V.13	117.731.332	134.682.281
8	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	572.249.287	56.228.993.063
9	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.14	2.986.722.684	3.142.461.876
10	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		907.075	773.360
11	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		6.750.000	
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(311.565.090)	(313.906.567)
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		105.436.866.026	95.721.026.111
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	105.436.866.026	95.721.026.111
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		165.792.343	165.792.343
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.050.433.903	1.050.433.903
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(45.779.360.220)	(55.495.200.135)
	CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		109.354.349.059	155.780.769.339

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

TT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
1	Doanh thu	01	VL17	15.727.764.652	17.528.269.770
	Trong đó:				
	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		919.369.583	934.863.171
	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		7.179.510.912	480.478.648
	- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		4.200.000.000	
	- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6			20.520.000
	- Doanh thu khác	01.9		3.428.884.157	16.092.407.951
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		15.727.764.652	17.528.269.770
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VL18	3.422.825.087	4.853.650.643
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		12.304.939.565	12.674.619.127
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL19	2.546.124.067	5.413.710.179
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)	30		9.758.815.498	7.260.908.948
8	Thu nhập khác	31			31
9	Chi phí khác	32		42.975.583	6.576.141
10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(42.975.583)	(6.576.110)
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.715.839.915	7.254.332.838
12	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11.2	-	-
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.715.839.915	7.254.332.838
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL20	648	484

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu



Trương Thị Minh Thúy

Kế toán trưởng



Lê Bích Thục

Chủ tịch
Hội đồng Quản trị

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
EUROCAPITAL

NGUYỄN QUANG ANH

NGUYỄN QUANG ANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		9.715.839.915	7.254.332.838
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		1.179.209.067	1.124.519.017
-	Các khoản dự phòng	03		(903.331.898)	(4.916.044.528)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.393.125.342)	(16.193.707.319)
-	Chi phí lãi vay	06		222.139.167	6.298.766.618
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.820.730.909	(6.432.133.374)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		61.984.234.844	332.928.066.195
-	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10		27.001.610.378	(2.915.666.446)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(56.142.260.195)	(329.164.852.004)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		339.003.888	(127.722.288)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(222.139.167)	(6.298.766.618)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			334.860.342
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(106.368.957)	(529.212.406)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.674.811.700	(12.205.426.599)
II.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21			(22.598.000)
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27		3.393.125.342	16.193.707.319
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.393.125.342	16.171.109.319
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		48.000.000.000	-
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(48.000.000.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		43.067.937.042	3.965.682.720
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		36.618.706.950	87.740.241.141
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	79.686.643.992	91.705.923.861

Người lập biểu



Trương Thị Minh Thúy

Kế toán trưởng



Lê Bích Thục

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2014


 Chủ tịch
 Hội đồng Quản trị
 Nguyễn Quang Anh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/(giảm)		Số dư cuối năm	
		01/01/2013	01/01/2014	Kỳ trước	Kỳ này	30/06/2013	30/06/2014
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.16	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		165.792.343	165.792.343	-	-	165.792.343	165.792.343
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.050.433.903	1.050.433.903	-	-	1.050.433.903	1.050.433.903
4. Lợi nhuận chưa phân phối		(61.388.244.101)	(55.495.200.135)	7.254.332.838	9.715.839.915	(54.133.911.263)	(45.779.360.220)
Cộng		89.827.982.145	95.721.026.111	7.254.332.838	9.715.839.915	97.082.314.983	105.436.866.026

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu



Trương Thị Minh Thủy

Kế toán trưởng



Lê Bích Thục



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 80/UBCK - GP ngày 25/01/2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, điều chỉnh theo giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC - UBCK ngày 07/08/2013 với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật và Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC - UBCK ngày 15/05/2013 với nội dung thay đổi trụ sở kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh: Chứng khoán

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng

Vốn pháp định : 135.000.000.000 đồng.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán ;
- Tự doanh chứng khoán ;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán ;

Số lượng nhân viên của đơn vị tại ngày 30/06/2014 là: 15 người (tại ngày 31/12/2013 là 16 người).

II. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với các Công ty chứng khoán của Bộ Tài chính; Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Chứng khoán và các văn bản liên quan khác.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****1.1 Nguyên tắc xác định và ghi nhận các khoản tiền mặt và tiền gửi ngân hàng**

Tiền mặt là khoản tiền tồn tại quỹ của Công ty tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

1.2 Nguyên tắc xác định và ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá một năm (hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

3. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định**3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản do Công ty tự xác định và phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Từ 3 – 8 năm
Tài sản cố định khác	5 năm
Phần mềm máy tính	Từ 3 – 8 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4.1 Ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phần, chứng khoán, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác, trái phiếu và các khoản cho vay. Giá trị ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá trị đầu tư thực tế. Việc phân loại các khoản đầu tư này thành ngắn hạn (đến 1 năm) hay dài hạn (trên 1 năm) phụ thuộc vào thời gian thu hồi dự kiến của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật cũng như các thỏa thuận ràng buộc giữa Công ty và bên nhận đầu tư.

4.2 Hạch toán các khoản đầu tư sau khi ghi nhận ban đầu

Các khoản cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư vào cổ phần, chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, công tác khác và lãi nhận được từ trái phiếu, các khoản cho vay sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, ngoại trừ các khoản chia cổ tức của giai đoạn trước khi đầu tư sẽ được hạch toán giảm giá trị ban đầu các khoản đầu tư. Ngoài ra, từ năm 2011 các khoản cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được ghi nhận tăng số lượng cổ phần mà không hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

4.3 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành cho từng khoản đầu tư thuộc sở hữu của Công ty. Cụ thể như sau:

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá khớp lệnh tại ngày lập dự phòng (giá bình quân đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán của các công ty chưa niêm yết đang được giao dịch tự do trên thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC) thì giá thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp tối thiểu ba công ty chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán đầu tư dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) thì mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kinh doanh mà khoản chi phí thực tế phát sinh, trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí đã thực tế phát sinh, có đầy đủ cơ sở xác định tin cậy về mặt giá trị nhưng chưa thực sự chắc chắn do chưa có xác nhận công nợ từ đối tác. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn vô phần, vốn khác của chủ sở hữu :

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

- Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.
- Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán:

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân gia quyền của chứng khoán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau :

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN năm 2014 của đơn vị là 22%.

10. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và

phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Thông tư số 210/2009/TT-BTC hiện không yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Phòng 202, Tầng 2, số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chínhCho giai đoạn tài chính từ ngày
01/01/2014 đến ngày 30/06/2014**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	4.003.300	17.408.500
Tiền gửi ngân hàng	1.192.247.020	27.281.717.723
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	2.987.717.472	3.143.960.727
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	502.676.200	6.175.620.000
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	75.000.000.000	
Cộng	79.686.643.992	36.618.706.950
02. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
Của công ty chứng khoán	1.281.098	34.487.879.200
- Cổ phiếu	1.281.098	34.487.879.200
Của nhà đầu tư	39.751.053	380.653.087.200
- Cổ phiếu	39.751.053	380.653.087.200
Cộng	41.032.151	415.140.966.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

hông 202, Tầng 2, số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

3. Tình hình đầu tư tài chính

Mã số thuế	Số lượng	Giá trị theo sổ sách kế toán	So sánh với giá thị trường				Đơn vị tính: VND		
			Tăng		Giảm				
			01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014			
hiệu	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	Tổng giá trị theo giá thị trường		
Chứng khoán thương mại									
độ phiếu niêm yết	2.163.823	903.734	41.550.559.469	14.548.949.091	1.083.780.700	7.135.180	(37.524.571)	41.693.483.700	14.518.559.700
CB	1.264.213	4.144	27.080.220.669	76.045.240	1.083.780.700	7.135.180	(940.087.669)	27.223.913.700	48.989.700
VG	47	47	1.718.769	1.718.769			(985.569)	733.200	723.800
HS	10	10	88.673	88.673	43.327	22.327	-	132.000	111.000
ET	8	8	179.755	179.755			(80.555)	99.200	96.000
CS	8	8	155.879	155.879	10.521		(14.279)	166.400	141.600
IC	1.080.098		13.501.716.800		1.079.606.200			14.581.323.000	
độ phiếu khác	180.005	5	13.500.268.570	374.992			(899.918.570)	12.600.350.000	320.000
độ phiếu chưa niêm yết, ủy nhiệm yết	4.037	4.066	76.092.223	73.527.172	4.120.652	7.112.853	(39.102.975)	41.109.900	47.597.300
TIN2	899.610	899.590	14.470.338.800	14.472.903.851	-	-	(768.800)	14.469.570.000	14.469.570.000
CB	24.570	24.570	469.570.000	469.570.000	-	-	-	469.570.000	469.570.000
AS	875.000	875.000	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000
ICV	20	20	330.000	330.000	-	-	(330.000)	-	-
độ phiếu khác	20	20	438.800	438.800	-	-	(438.800)	-	-
độ phiếu khác	196		2.565.051		-	-	(2.565.051)	-	-
Tổng	2.163.823	903.734	41.550.559.469	14.548.949.091	1.083.780.700	7.135.180	(940.856.469)	41.693.483.700	14.518.559.700

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Phòng 202, Tầng 2, số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

04. Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	01/01/2014				30/06/2014				Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Số dự phòng đã trích lập
1. Phải thu của khách hàng	-	-	-	9.000.000	-	9.000.000	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	4.764.000	-	-	-	-	4.764.000	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	73.402.936.847	-	-	147.986.432.774	210.019.331.540	11.370.038.081	-	-	-
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	869.950.256	-	-	54.349.753.740	55.123.212.507	96.491.489	-	-	-
Đặt cọc mua chứng khoán	72.495.187.250	-	-	74.000.000.000	146.495.187.250	-	-	-	-
Phải thu khác (ủy thác đầu tư)	-	-	-	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-	-	-
Phải thu cho vay giao dịch ký quỹ	37.799.341	-	-	8.636.679.034	8.400.931.783	273.546.592	-	-	-
4. Các khoản phải thu khác	110.079.545	-	85.500.000	702.747.136	346.085.711	466.740.970	-	85.500.000	85.500.000
Cộng	73.517.780.392	-	85.500.000	148.698.179.910	210.365.417.251	11.850.543.051	-	85.500.000	85.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Phòng 202, Tầng 2, số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chínhCho giai đoạn tài chính từ ngày
01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

04.1 Trả trước cho người bán	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản khác	4.764.000	4.764.000
Cộng	4.764.000	4.764.000
04.2 Các khoản phải thu khác	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự thu tiền lãi và phí	381.240.970	24.579.545
Phải thu khác	85.500.000	85.500.000
Cộng	466.740.970	110.079.545
05. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	(85.500.000)	(85.500.000)
Tăng dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối kỳ	(85.500.000)	(85.500.000)
06. Chi phí trả trước ngắn hạn	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	-	-
Phí bảo trì phần mềm	152.136.000	456.408.000
Phí dịch vụ thuê ngoài	27.992.640	29.568.000
Chi phí khác	224.999.993	10.458.131
Cộng	405.128.633	496.434.131
07. Tài sản ngắn hạn khác	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	18.853.408	-
Cộng	18.853.408	-

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá tài sản cố định		
1. Số dư tại 01/01/2014	3.402.063.686	3.402.063.686
2. Số tăng trong kỳ		
- Mua sắm mới		
3. Số giảm trong kỳ	36.325.801	36.325.801
- Thanh lý, nhượng bán	36.325.801	36.325.801
4. Số dư tại 30/06/2014	3.365.737.885	3.365.737.885
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư tại 01/01/2014	2.561.996.015	2.561.996.015
2. Tăng trong kỳ	219.135.260	219.135.260
- Tăng do khấu hao	219.135.260	219.135.260
3. Giảm trong kỳ	36.325.801	36.325.801
- Thanh lý, nhượng bán	36.325.801	36.325.801
4. Số dư tại 30/06/2014	2.744.805.474	2.744.805.474
III. Giá trị còn lại của TSCĐ		
1. Tại 01/01/2014	840.067.671	840.067.671
2. Tại 30/06/2014	620.932.411	620.932.411

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay : 0 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 626.883.800 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý:

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Cộng
I. Nguyên giá tài sản cố định vô hình		
1. Số dư tại 01/01/2014	5.524.031.000	5.524.031.000
2. Số tăng trong kỳ	-	-
- Mua sắm mới	-	-
3. Số giảm trong kỳ	1.160.541.000	1.160.541.000
- Giảm khác	1.160.541.000	1.160.541.000
4. Số dư tại 30/06/2014	4.363.490.000	4.363.490.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư tại 01/01/2014	4.494.449.476	4.494.449.476
2. Tăng trong kỳ	960.073.807	960.073.807
- Tăng do khấu hao	960.073.807	960.073.807
3. Giảm trong kỳ	1.160.541.000	1.160.541.000
- Giảm khác	1.160.541.000	1.160.541.000
4. Số dư tại 30/06/2014	4.293.982.283	4.293.982.283
III. Giá trị còn lại của TSCĐ		
1. Tại 01/01/2014	1.029.581.524	1.029.581.524
2. Tại 30/06/2014	69.507.717	69.507.717

Nguyên giá TSCĐ đang cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ:

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng:

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Phòng 202, Tầng 2, số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chínhCho giai đoạn tài chính từ ngày
01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

10. Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	117.413.902	186.736.066
Chi phí cải tạo văn phòng	695.894.943	869.868.681
Chi phí khác	10.607.452	15.009.940
Cộng	823.916.297	1.071.614.687

11. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

11.1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	35.818.182	254.010.157
Thuế thu nhập cá nhân	106.421.538	219.933.298
Cộng	142.239.720	473.943.455

11.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2014
	VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	9.715.839.915
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận	42.975.583
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	42.975.583
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	9.758.815.498
Lỗi năm trước chuyển sang	(9.758.815.498)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả tại 01/01/2014	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả tại 30/06/2014	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong kỳ	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả tại 30/06/2014	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	644.657.967	644.657.967
Tiền lãi phân bổ trong năm	301.328.863	194.959.906
Cộng	1.065.986.830	959.617.873

13. Chi phí phải trả	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phí kiểm toán	22.500.000	22.500.000
Chi phí phải trả khác	95.231.332	112.182.281
Cộng	117.731.332	134.682.281

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Phòng 202, Tầng 2, số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chínhCho giai đoạn tài chính từ ngày
01/01/2014 đến ngày 30/06/2014**14. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư	2.986.722.684	3.142.461.876
Cộng	2.986.722.684	3.142.461.876

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	12.646.130	11.429.740
Phải trả cơ quan bảo hiểm	14.983.466	
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	502.676.200	6.175.620.000
Phải trả tiền mua trái phiếu		50.000.000.000
Phải trả, phải nộp khác	41.943.491	41.943.323
Cộng	572.249.287	56.228.993.063

16. Vốn chủ sở hữu**16.1 Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Vốn cổ phần đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm		
Vốn cổ phần giảm trong năm		
Vốn cổ phần cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã tạm chia		

16.2 Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**17. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	919.369.583	934.863.171
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	7.179.510.912	480.478.648
Doanh thu hoạt động tư vấn	4.200.000.000	
Doanh thu lưu ký chứng khoán		20.520.000
Doanh thu khác	3.428.884.157	16.092.407.951

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Phòng 202, Tầng 2, số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chínhCho giai đoạn tài chính từ ngày
01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Trong đó:

- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	657.572.579	15.945.553.671
- Lãi thu từ cho vay giao dịch kỳ quỹ	50.136.522	44.397.652
- Phí ứng trước tiền bán chứng khoán	81.800.905	88.820.263
- Khác	2.639.374.151	13.636.365
Cộng	15.727.764.652	17.528.269.770

18. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán**6 tháng đầu năm****6 tháng đầu năm****2014****2013**

VND

VND

Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	218.567.855	541.289.130
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.898.750.000	2.711.940.341
Chi phí hoạt động tư vấn		14.050.000
Chi phí lưu ký chứng khoán	50.898.333	89.106.611
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(903.331.898)	(4.916.044.528)
Chi phí khác	2.157.940.797	6.413.309.089
- Phí phạt cọc hợp đồng môi giới	100.000.000	6.292.333.334
- Lãi tiền gửi của nhà đầu tư	18.422.756	6.433.284
- Lãi vay trong kỳ	222.139.167	
- Khác	1.817.378.874	114.542.471
Cộng	3.422.825.087	4.853.650.643

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp**6 tháng đầu năm****6 tháng đầu năm****2014****2013**

VND

VND

Chi phí nhân viên quản lý	777.848.623	1.516.231.274
Chi phí vật liệu	3.134.156	14.358.864
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	73.353.254	14.714.295
Chi phí khấu hao TSCĐ	179.218.141	1.124.519.017
Thuế, phí, lệ phí	91.501.949	203.903.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.345.520.101	2.452.432.055
Chi phí khác	75.547.843	87.550.846
Cộng	2.546.124.067	5.413.710.179

20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**6 tháng đầu năm****6 tháng đầu năm****2014****2013**

VND

VND

a. Lợi nhuận sau thuế	9.715.839.915	7.254.332.838
b. Trừ lợi nhuận phân chia cho các đối tác hợp tác kinh doanh		-
c. Lợi nhuận còn lại (c = a - b)	9.715.839.915	7.254.332.838
d. Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
e. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (e = c / d)	648	484

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Phòng 202, Tầng 2, số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

21. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh

Nội dung	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Hoạt động lưu ký chứng khoán	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	919.369.583	7.179.510.912	4.200.000.000	-	3.428.884.157	15.727.764.652
Chi phí bộ phận trực tiếp	(218.567.855)	(995.418.102)	-	(50.898.333)	(2.157.940.797)	(3.422.825.087)
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	(2.589.099.650)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	700.801.728	6.184.092.810	4.200.000.000	(50.898.333)	1.270.943.360	9.715.839.915
Tài sản bộ phận trực tiếp	14.866.785.723	14.511.424.520			75.383.887.000	104.762.097.243
Tài sản không phân bổ						4.592.251.816
Tổng tài sản	14.866.785.723	14.511.424.520	-	-	75.383.887.000	109.354.349.059
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	3.219.289.762	62.500.000		5.000.000	45.000.000	3.331.789.762
Nợ phải trả không phân bổ						585.693.271
Tổng nợ phải trả	3.219.289.762	62.500.000	-	5.000.000	45.000.000	3.917.483.033

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý: Trong 6 tháng đầu năm 2014, Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty phát sinh tại trụ sở chính.



VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

03. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital thực hiện theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền, các khoản ký quỹ và các khoản vay.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 và ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng:

+ Độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;

+ Độ nhạy của các khoản mục có liên quan trọng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 và ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

Tiền gửi ngân hàng

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1. Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

	Nợ dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2014			
Phải trả người bán	208.091.957	-	208.091.957
Người mua trả tiền trước	107.500.000	-	107.500.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2.986.722.684	-	2.986.722.684
Chi phí phải trả	117.731.332	-	117.731.332
Phải trả khác	572.249.287	-	572.249.287
Cộng	3.992.295.260	-	3.992.295.260
Tại 01/01/2014			
Phải trả người bán	193.874.507	-	193.874.507
Người mua trả tiền trước	107.500.000	-	107.500.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.142.461.876	-	3.142.461.876
Chi phí phải trả	134.682.281	-	134.682.281
Phải trả khác	56.228.993.063	-	56.228.993.063
Cộng	59.807.511.727	-	59.807.511.727

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Phòng 202, Tầng 2, số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chínhCho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014
đến ngày 30/06/2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản nợ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các chủ nợ hiện tại.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Nợ dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2014			
Tiền, các khoản tương đương tiền	79.686.643.992	-	79.686.643.992
Đầu tư ngắn hạn	14.511.424.520	-	14.511.424.520
Phải thu khách hàng	9.000.000	-	9.000.000
Trả trước cho người bán	4.764.000	-	4.764.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	11.370.038.081	-	11.370.038.081
Phải thu khác	381.240.970	-	381.240.970
Cộng	105.963.111.563	-	105.963.111.563

Tại 01/01/2014			
Tiền, các khoản tương đương tiền	36.618.706.950	-	36.618.706.950
Đầu tư ngắn hạn	40.609.703.000	-	40.609.703.000
Phải thu khách hàng	-	-	-
Trả trước cho người bán	4.764.000	-	4.764.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	73.402.936.847	-	73.402.936.847
Phải thu khác	24.579.545	-	24.579.545
Cộng	150.660.690.342	-	150.660.690.342

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị thuần
Tài sản tài chính	Nguyên giá	Dự phòng	
Tại 30/06/2014	VND	VND	VND
Tiền, các khoản tương đương tiền	79.686.643.992	-	79.686.643.992
Đầu tư ngắn hạn	14.548.949.091	(37.524.571)	14.511.424.520
Phải thu khách hàng	9.000.000	-	9.000.000
Trả trước cho người bán	4.764.000	-	4.764.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	11.370.038.081	-	11.370.038.081
Phải thu khác	466.740.970	(85.500.000)	381.240.970
Cộng	106.086.136.134	(123.024.571)	105.963.111.563

Tại 01/01/2014			
Tiền, các khoản tương đương tiền	36.618.706.950	-	36.618.706.950
Đầu tư ngắn hạn	41.550.559.469	(940.856.469)	40.609.703.000
Phải thu khách hàng	-	-	-
Trả trước cho người bán	4.764.000	-	4.764.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	73.402.936.847	-	73.402.936.847
Phải thu khác	110.079.545	(85.500.000)	24.579.545
Cộng	151.687.046.811	(1.026.356.469)	150.660.690.342

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả người bán	208.091.957	193.874.507
Người mua trả tiền trước	107.500.000	107.500.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2.986.722.684	3.142.461.876
Chi phí phải trả	117.731.332	134.682.281
Phải trả khác	572.249.287	56.228.993.063
Cộng	3.992.295.260	59.807.511.727

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

04. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

05. Những sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

06. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan. Nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Lương và thưởng

6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
VND	VND
449.300.000	395.021.667

07. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013, đã được Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt kiểm toán.

Người lập biểu



Trương Thị Minh Thúy

Kế toán trưởng



Lê Bích Thục

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Quang Anh

